

Số: /TB-ĐHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ ĐỢT 2 NĂM 2024

Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức tuyển sinh trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2024 với thời gian đào tạo chuẩn 3 năm.

1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

1.1. Các ngành tuyển sinh

- ❖ **Khoa Công nghệ Thông tin:** Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính.
- ❖ **Khoa Điện tử - Viễn thông:** Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật viễn thông.
- ❖ **Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa:** Cơ kỹ thuật.
- ❖ **Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano:** Vật liệu và linh kiện nano.
- ❖ **Khoa Công nghệ Xây dựng – Giao thông:** Kỹ thuật xây dựng.

1.2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ (xem tại Phụ lục 4). Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kì yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có).

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

b) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2.

Lưu ý: Nhà trường không chấp nhận sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ thi theo hình thức trực tuyến.

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

1.3. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

2. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 25 nghiên cứu sinh

STT	Chuyên ngành	Số lượng
1.	Khoa học máy tính	5
2.	Kỹ thuật phần mềm	3
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	3
4.	Hệ thống thông tin	3
5.	Kỹ thuật điện tử	2
6.	Kỹ thuật viễn thông	2
7.	Cơ kỹ thuật	2
8.	Vật liệu và linh kiện nanô	2
9.	Kỹ thuật xây dựng	3

Chỉ tiêu tuyển sinh có thể được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của thí sinh dự tuyển;

3. HỒ SƠ DỰ THI

Bao gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển in từ phần mềm tuyển sinh sau đại học;
- Sơ yếu lí lịch cá nhân;
- Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ và minh chứng về chuyên môn, ngoại ngữ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác theo quy định; Giấy chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;
- Đề cương nghiên cứu;
- Thư giới thiệu của tối thiểu một nhà khoa học;

Link tải file liên quan: <https://bit.ly/HoSoNCS>

4. ĐĂNG KÝ DỰ THI, THỜI GIAN THI VÀ LỆ PHÍ

4.1. Nhiệm vụ của thí sinh

- Bước 1: Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> để khai báo các thông tin cơ bản theo hướng dẫn. Người dự tuyển phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo. Người dự tuyển không hoàn thành việc đăng kí trực tuyến sẽ không đủ điều kiện dự tuyển.

- Bước 2: Thí sinh nộp hồ sơ bản cứng trực tiếp tại Phòng 107 – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội hoặc chuyển qua đường bưu điện (nếu hồ sơ chuyển qua đường bưu điện sẽ tính theo dấu bưu điện).

- Thời gian đăng kí: **đến ngày 22/8/2024.**

4.2. Thời gian đánh giá hồ sơ chuyên môn

- Từ ngày **từ 18/9/2024 đến 25/9/2024.**

4.3. Lệ phí

- Lệ phí: 260.000đ/ thí sinh

- Phương thức nộp tiền: chuyển khoản, thông tin như sau:

+ Tên Tài khoản: Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN

+ Số TK: 21510001973669 tại Ngân hàng BIDV Cầu Giấy, Hà Nội

+Nội dung chuyển khoản: Mã ĐKDT_Ngày sinh_TS SDH đợt 2_2024

Ghi chú: Mã ĐKDT – Mã đăng kí dự tuyển của thí sinh được cấp khi thí sinh đăng kí thành công trên cổng thông tin tuyển sinh và hiển thị ngay tại đầu của phiếu ĐKDT.

5. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- Thời gian công bố kết quả thi: trước **ngày 02/10/2024.**

- Thời gian triệu tập thí sinh trúng tuyển: Trước **ngày 26/10/2024.**

- Thời gian đào tạo: 3 năm với NCS đã có bằng thạc sĩ, 4 năm với NCS đã có bằng đại học.

6. THÔNG TIN HỌC PHÍ , HỌC BỔNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- Học phí năm học 2024-2025: 39.600.000 đ/năm học.

- Lộ trình tăng học phí đào tạo bậc tiến sĩ tuân theo quy định của nhà nước và các quy định khác có liên quan.
- Học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc của ĐHQGHN.
- Học bổng hỗ trợ học tập theo quy định của Trường ĐHCN và của ĐHQGHN. Ngoài ra, còn có nhiều học bổng tài trợ do các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân tài trợ.

7. THÔNG TIN LIÊN HỆ, TƯ VẤN TUYỂN SINH

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Phòng 107-E3, 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3754 7865 hoặc số hotline 0987673043

Email: thanhvtp@vnu.edu.vn

Website: <http://uet.vnu.edu.vn> mục Tuyển sinh/Tuyển sinh Sau đại học.

Trang fanpage: <https://www.facebook.com/tuyensinh.saudaihoc.dhcn>

Nhóm Zalo hỗ trợ tư vấn: <https://zalo.me/g/ikiqfc094>



Trân trọng thông báo./.

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HĐTS SDH NĂM 2024**

Nơi nhận:

- Các cơ sở đào tạo liên quan;
- Các đơn vị trong trường;
- Website của Trường ĐHCN, thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, ĐT, VT.5.

Chữ Đức Trình

Phụ lục 1

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương **Bậc 3, Bậc 4
theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

(Kèm theo thông báo số /TB-DHCN ngày tháng năm 2024 của Trường Đại học Công nghệ)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Pearson English International Certificate (PEIC)	APTIS ESOL	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (*)
Bậc 3	4.5	42 iBT	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	Level 2	B1	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	Level 3	B2	VSTEP.3-5 (6.0)

Ghi chú: (*) chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020 (xem mẫu tại: https://bit.ly/mau_ccvstep).

Một số ngoại ngữ khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp (*)	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Bậc 3	TPKI-1	TCF B1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK Bậc 3	JLPT N3 NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
Bậc 4	TPKI-2	TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N2 (90) NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

Ghi chú:

(*) Bằng tiếng Pháp DELF và DALF được sử dụng trong tuyển sinh đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và không giới hạn thời hạn sử dụng.

Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục 2

**Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong
tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN**

(Kèm theo thông báo số /TB-ĐHCN ngày tháng năm 2024 của Trường
Đại học Công nghệ)

1. Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP

ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (tính đến ngày 29/02/2024).

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	16.	Trường Đại học Ngoại thương
2.	Trường ĐH Hà Nội	17.	Học viện Khoa học quân sự
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	18.	Học viện Cảnh sát nhân dân
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	19.	Trường Đại học Quy Nhơn
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	20.	Trường Đại Học Tây Nguyên
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21.	Trường Đại học Sài Gòn
7.	Đại học Bách khoa Hà Nội	22.	Trường Đại học Văn Lang
8.	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	23.	Trường Đại học Trà Vinh
9.	ĐH Thái Nguyên	24.	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
10.	Trường ĐH Cần Thơ	25.	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM
11.	Trường Đại học Nam Cần Thơ	26.	Trường ĐH Lạc Hồng
12.	Trường ĐH Vinh	27.	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM
13.	Học viện An ninh nhân dân	28.	Trường ĐH Công thương TP. HCM
14.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	29.	Trường ĐH Kinh tế quốc dân
15.	Trường Đại học Thương mại	30.	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL
1.	Educational Testing Service (ETS)		√		
2.	British Council (BC)	√			√
3.	International Development Program (IDP)	√			
4.	Cambridge ESOL	√		√	

Phụ lục 3

Danh mục các ngành/chuyên ngành trình độ đại học/thạc sĩ được xét tuyển đối với từng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ
(Kèm theo thông báo số /TB-DHCN ngày tháng năm 2024 của Trường Đại học Công nghệ)

TT	Chuyên ngành	Danh mục các ngành/ chuyên ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức	Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp cần học bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung kiến thức (*)
1.	Khoa học máy tính	Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin (mã số: 848) - Nhóm ngành Máy tính (84801): Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo.	Nhóm ngành cơ khí và cơ Kỹ thuật (85201): Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật không gian.	- Học máy thông kê (3 Tín chỉ) - Xử lý ngôn ngữ tự nhiên dựa trên học sâu (3 Tín chỉ) - Xử lý dữ liệu lớn (3 Tín chỉ)
2.	Kỹ thuật Phần mềm	- Nhóm ngành Công nghệ thông tin (84802): Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Quản lý công nghệ thông tin; Quản lý hệ thống thông tin. Lĩnh vực Toán và thống kê (mã số: 846) - Nhóm ngành toán học (84601): Khoa học tính toán; Khoa học dữ liệu; Cơ sở toán học cho tin học; Toán tin; Toán ứng dụng.		- Phân tích và kiểm thử phần mềm (3 Tín chỉ) - Công nghệ phần mềm nâng cao (3 Tín chỉ) - Kiến trúc phần mềm hiện đại (3 Tín chỉ)
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	- Lĩnh vực Kỹ thuật (mã số: 852) Nhóm ngành Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông: Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật viễn thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật mật mã; Kỹ thuật y sinh.		- Truyền dữ liệu (3 Tín chỉ) - Cơ sở hạ tầng điện toán đám mây (3 Tín chỉ) - Các mạng không dây và di động (3 Tín chỉ)
4.	Hệ thống Thông tin	Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin (mã số: 848) - Nhóm ngành Máy tính (84801): Khoa học máy tính;		Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Thống kê. - Quản lý dữ liệu (3 Tín chỉ) - Phân tích và khai phá dữ liệu (3 Tín chỉ)

TT	Chuyên ngành	<p style="text-align: center;">Danh mục các ngành/ chuyên ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức</p>	<p style="text-align: center;">Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp cần học bổ sung kiến thức</p>	<p style="text-align: center;">Học phần bổ sung kiến thức (*)</p>
		<p>Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo.</p> <p>- Nhóm ngành Công nghệ thông tin (84802): Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Quản lý công nghệ thông tin; Quản lý hệ thống thông tin.</p> <p>Lĩnh vực Toán và thống kê (mã số: 846)</p> <p>- Nhóm ngành toán học (84601): Khoa học tính toán; Khoa học dữ liệu; Cơ sở toán học cho tin học; Toán tin; Toán ứng dụng.</p> <p>- Lĩnh vực Kỹ thuật (mã số: 852)</p> <p>- Nhóm ngành Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông: Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật viễn thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật mật mã; Kỹ thuật y sinh.</p>	<p>Nhóm ngành cơ khí và cơ Kỹ thuật (85201): Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật không gian.</p>	<p>chỉ)</p> <p>- Xử lý dữ liệu lớn (3 Tín chỉ)</p>
5.	Kỹ thuật điện tử	<p>Các ngành/nhóm ngành: Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Kỹ thuật máy tính; Điện tử-viễn thông; Kỹ thuật robot; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Vật lý kỹ thuật; Vật lý kỹ thuật và Điện tử; Kỹ thuật vi điện tử và Công nghệ nano; Vật liệu và linh kiện nano.</p>	<p>Các ngành/nhóm ngành: Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ hàng không vũ trụ.</p>	<p>- Kỹ thuật mạch tích hợp (3 Tín chỉ)</p> <p>- Hệ thống nhúng và IoT (3 Tín chỉ)</p> <p>- Truyền thông và mạng máy tính nâng cao (4 Tín chỉ)</p> <p>- Các hệ thống điều khiển hiện đại (4 Tín chỉ)</p> <p>- Xử lý tín hiệu số nâng cao (4 Tín chỉ)</p> <p>- Xử lý đa phương tiện (4 Tín chỉ)</p> <p>- Kỹ thuật MEMS và NEMS (4 Tín chỉ)</p>
6.	Kỹ thuật viễn thông	<p>Các ngành/nhóm ngành: Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Kỹ thuật máy tính, Điện tử - viễn thông, Mạng máy</p>	<p>Các ngành/nhóm ngành: Vật lý vô tuyến và điện tử, Công nghệ</p>	<p>- Lý thuyết thông tin và mã hóa (3 Tín chỉ)</p>

TT	Chuyên ngành	Danh mục các ngành/ chuyên ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức	Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp cần học bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung kiến thức (*)
		tính và truyền thông dữ liệu, Hệ thống thông tin.	kỹ thuật cơ điện tử, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ hàng không vũ trụ.	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình ngẫu nhiên (3 Tín chỉ) - Xử lý tín hiệu số nâng cao (4 Tín chỉ) - Truyền thông và mạng máy tính nâng cao (4 Tín chỉ) - Mạng truyền thông di động thế hệ mới (4 Tín chỉ) - Thiết kế anten (4 Tín chỉ) - Truyền thông số nâng cao (4 Tín chỉ)
7.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật hàng không.	Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật năng lượng, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật hàng hải	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp số ứng dụng (3 Tín chỉ) - Kỹ thuật công trình (3 Tín chỉ) - Kỹ thuật môi trường (3 Tín chỉ) - Kỹ thuật vi điều khiển (3 Tín chỉ)
8.	Vật liệu và Linh kiện nano	Vật liệu và linh kiện nano; Khoa học và công nghệ nano; Công nghệ Nano và vật liệu; Công nghệ Nano; Vật lý kỹ thuật; Vật lý lý thuyết và vật lý tính toán; Vật lý chất rắn; Vật lý vô tuyến điện tử; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Quang học; Vật lý địa cầu; Vật lý nhiệt; Khoa học vật liệu; Khoa học và công nghệ vật liệu; Vật liệu điện tử; Vật liệu cao phân tử và tổ hợp; Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử; Hóa vô cơ; Hóa hữu cơ; Hóa học các hợp chất thiên nhiên; Hóa phân tích; Hóa lý thuyết và hóa lý; Hóa môi trường; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu; Công nghệ và kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân.	Cơ học vật rắn; Cơ học chất lỏng và chất khí; Cơ học; Kim loại học; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật nhiệt; Kỹ thuật điện; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật viễn thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ hoá học, môi trường và năng lượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tính chất điện tử của vật liệu cấu trúc nano (3 Tín chỉ) - Từ học và vật liệu từ tính cấu trúc nano (3 Tín chỉ) - Vật lý bán dẫn và vật liệu bán dẫn cấu trúc nano (3 Tín chỉ)

TT	Chuyên ngành	Danh mục các ngành/ chuyên ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức	Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp cần học bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung kiến thức (*)
9.	Kỹ thuật xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành thuộc nhóm ngành 75101; 75801; 75802; 75803 - Cơ kỹ thuật 7520101; - Các ngành thuộc nhóm ngành 85101; 85801; 85802; 85803 - Cơ kỹ thuật 8520101 	<p>Trong quá trình tổ chức tuyển sinh, dựa trên tình hình thực tế theo hồ sơ và năng lực, thành tích của thí sinh, Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ có thể quyết định điều chỉnh, bổ sung danh mục ngành khác phù hợp hoặc bổ sung kiến thức dựa trên đề xuất về chuyên môn của Khoa Công nghệ Xây dựng – Giao thông</p>	

**Phụ lục 4 - Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu
kèm theo danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện
hướng dẫn nghiên cứu sinh**

(Kèm theo thông báo số /TB-ĐHCN ngày tháng năm 2024
của Trường Đại học Công nghệ)

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
Khoa Công nghệ Thông tin				
1.	GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy	Toán Máy tính	Trí tuệ nhân tạo	nguyenthathuy@vnu.edu.vn
2.	PGS.TS. Phan Xuân Hiếu	Công nghệ thông tin	Khai phá dữ liệu, Thông minh kinh doanh, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	hieupx@vnu.edu.vn
3.	PGS.TS. Nguyễn Hải Châu	Toán - Tin	Hệ thống thông tin, GIS	chaunh@vnu.edu.vn
4.	PGS.TS. Lê Thanh Hà	Công nghệ thông tin	Xử lý ảnh và video, Video coding	ltha@vnu.edu.vn
5.	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hóa	Tin học	Hệ thống thông tin, An toàn thông tin	hoann@vnu.edu.vn
6.	PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm, Đảm bảo chất lượng phần mềm	hungpn@vnu.edu.vn
7.	PGS.TS. Phạm Bảo Sơn	Khoa học Máy tính	Trí tuệ nhân tạo, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	sonpb@vnu.edu.vn
8.	PGS.TS. Nguyễn Hoài Sơn	Công nghệ thông tin	Overlay network, Mạng ngang hàng, Video streaming, Mạng không dây, Internet of Things	sonnh@vnu.edu.vn
9.	PGS.TS. Nguyễn Việt Anh	Khoa học máy tính	E-learning	vietanh@vnu.edu.vn
10.	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhật Thanh	Công nghệ thông tin	Xử lý ảnh, Giám sát hiện trường	thanhntn@vnu.edu.vn
11.	PGS.TS. Nguyễn Trí Thành	Hệ thống thông tin	Khai phá dữ liệu, Truy hồi thông tin, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	thanhnt@vnu.edu.vn
12.	PGS.TS. Lê Sỹ Vinh	Tin học	Tin sinh học, Khai phá dữ liệu	vinhls@vnu.edu.vn
13.	PGS.TS. Trần Trọng Hiếu	Tin học	Xử lý tri thức, Khai phá dữ liệu, Các hệ thống đa tác tử, Học máy	hieutt@vnu.edu.vn
14.	TS. Ma Thị Châu	Khoa học	Thị giác máy, Hình học	chaumt@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
		Máy tính	đa ảnh, Phân tích ảnh độ sâu, Đồ họa máy tính	
15.	TS. Trần Thị Minh Châu	Công nghệ thông tin	Phân tích và thiết kế hệ thống	chauttm@vnu.edu.vn
16.	TS. Đặng Thanh Hải	Khoa học máy tính	Tin sinh học	haidt@vnu.edu.vn
17.	TS. Đặng Cao Cường	Khoa học máy tính	Tin sinh học	cuongdc@vnu.edu.vn
18.	TS. Tạ Việt Cường	Công nghệ thông tin	Trí tuệ nhân tạo, Học tăng cường, Thị giác máy	cuongtv@vnu.edu.vn
19.	TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Công nghệ thông tin	Thị giác máy, Trí tuệ nhân tạo	ngocdiệp@vnu.edu.vn
20.	TS. Ngô Thị Duyên	Khoa học máy tính	Đồ họa máy tính, Nhận dạng tiếng nói	duyennt@vnu.edu.vn
21.	TS. Lê Phê Đô	Toán/Xác suất	An toàn thông tin trong giao dịch điện tử, Các phương pháp toán trong công nghệ	dolp@vnu.edu.vn
22.	TS. Đỗ Đức Đông	Khoa học máy tính	Tối ưu hóa, Trí tuệ nhân tạo	dongdoduc@vnu.edu.vn
23.	PGS.TS. Đặng Đức Hạnh	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	hanhdd@vnu.edu.vn
24.	TS. Nguyễn Thị Hậu	Tin học ứng dụng	Hệ thống thông tin	nguyenhau@vnu.edu.vn
25.	TS. Lê Quang Hiếu	Công nghệ thông tin	Học máy, Khai phá dữ liệu web, thông tin doanh nghiệp	hieulq@vnu.edu.vn
26.	TS. Võ Đình Hiếu	Công nghệ thông tin	Kiến trúc phần mềm, Kiến trúc hướng dịch vụ, Phân tích chương trình	hieuvd@vnu.edu.vn
27.	TS. Tô Văn Khánh	Công nghệ thông tin	SMT/SAT solver, Các phương pháp hình thức	khanhtv@vnu.edu.vn
28.	TS. Phạm Mạnh Linh	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính truyền thông, Điện toán đám mây, điện toán sương mù, Công nghệ nông nghiệp	linhmp@vnu.edu.vn
29.	TS. Trần Trúc Mai	Điện tử viễn thông	Truyền thông không dây, Điện toán đám mây	mai.tran@vnu.edu.vn
30.	TS. Dương Lê Minh	Công nghệ thông tin	Mạng adhoc không dây, SIP - based VoIP, Internet of Things, Mạng cảm biến, Ứng dụng di động cloud, Các hệ thống ảo hóa	minhdl@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
31.	TS. Vũ Thị Hồng Nhạn	Công nghệ thông tin	Khai phá dữ liệu không gian - thời gian, Các hệ thống cung cấp dịch vụ cung cấp thông tin dựa trên vị trí, Cơ sở dữ liệu không gian & Hệ thống thông tin địa lý	vthnhan@vnu.edu.vn
32.	TS. Lê Đình Thanh	Khoa học máy tính	An toàn thông tin, Phát triển ứng dụng Web	thanhld@vnu.edu.vn
33.	TS. Nguyễn Đại Thọ	Tin học	An toàn thông tin, Tính toán phân tán, Mạng máy tính	thond@vnu.edu.vn
34.	TS. Hoàng Xuân Tùng	Điện tử viễn thông	Các hệ thống nhúng, Các ứng dụng mobile và cloud, Đánh giá hiệu năng hệ thống	tunghx@vnu.edu.vn
35.	TS. Nguyễn Văn Vinh	Công nghệ thông tin	Học máy, dịch máy, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên, Xử lý và phân tích dữ liệu lớn	vinhnv@vnu.edu.vn
36.	TS. Trần Mai Vũ	Hệ thống thông tin	Khai phá dữ liệu, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên, Dữ liệu lớn	vutm@vnu.edu.vn
37.	TS. Du Phương Hạnh	Hệ thống thông tin	Xử lý dữ liệu lớn, Tối ưu hóa – nâng cao hiệu năng truy vấn dữ liệu lớn	hanhdp@vnu.edu.vn
38.	TS. Lê Hồng Hải	Hệ thống thông tin	Bảo mật sinh trắc học: Khuôn mặt, vân tay Tính toán hiệu năng cao trên nền tảng GPU	hailh@vnu.edu.vn
39.	TS. Hoàng Thị Điệp	Khoa học Máy tính	Tính toán hiệu năng cao, Khoa học tính toán, Học tăng cường	diepht@vnu.edu.vn
40.	TS. Lê Đức Trọng	Hệ thống thông tin	Học máy tin cậy, Các hệ khuyến nghị, Khai phá dữ liệu văn bản	trongld@vnu.edu.vn
41.	TS. Trần Hoàng Việt	Kỹ thuật phần mềm	Đảm bảo chất lượng phần mềm, Sinh dữ liệu kiểm thử cho các dự án, đánh giá ảnh hưởng của thay đổi mã nguồn phần mềm, kiểm chứng phần mềm giải định đảm bảo, kiểm thử dựa trên mô hình (model base testing)	thv@vnu.edu.vn
42.	TS. Lê Nguyên Khôi	Khoa học Máy tính	Tính toán tiến hóa, Robot và trí tuệ nhân	khôi.n.le@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			ạo	
43.	TS. Lê Hoàng Quỳnh	Hệ thống thông tin	Khai phá dữ liệu, xử lý ngôn ngữ tự nhiên	lhquynh@vnu.edu.vn
Khoa Điện tử - Viễn thông				
44.	GS.TS. Chủ Đức Trình	Điện tử viễn thông	Vi cơ điện tử, Y sinh	trinhcd@vnu.edu.vn
45.	PGS.TS. Trương Vũ Bằng Giang	Điện tử viễn thông	Siêu cao tần, antenna	giangtvb@vnu.edu.vn
46.	PGS.TS. Nguyễn Nam Hoàng	Điện tử viễn thông	Network, Truyền thông dùng ánh sáng	hoangnn@vnu.edu.vn
47.	PGS.TS. Bùi Thanh Tùng	Điện tử viễn thông	Vi cơ điện tử, Y sinh	tungbt@vnu.edu.vn
48.	PGS.TS. Trịnh Anh Vũ	Vật lý vô tuyến	Truyền thông, Hệ thống VT thế hệ mới	vuta@vnu.edu.vn
49.	PGS.TS. Mai Anh Tuấn	Vật liệu điện tử	Cảm biến vi cơ điện tử ứng dụng trong phân tích y sinh. Transistor hiệu ứng trường và ứng dụng trong phân tích y sinh, môi trường. Phát triển hệ thống đo lường các thông số sinh tồn định hướng ứng dụng trong chẩn đoán bệnh sớm. Nghiên cứu, phát triển hệ thống phân tích, đánh giá chứng ngừng thở trong lúc ngủ trên cơ sở cảm biến gia tốc và cảm biến âm.	tuanma@vnu.edu.vn
50.	PGS. TS. Hoàng Văn Xiêm	Kỹ thuật điện và máy tính	Công nghệ thông tin truyền thông	xiemhoang@vnu.edu.vn
51.	PGS.TS. Trần Văn Quảng	Vật lý tính toán	Nghiên cứu tính toán các vật liệu mới Tính toán mô phỏng các hệ thống vi cơ điện tử	tranquang@vnu.edu.vn
52.	TS. Nguyễn Ngọc An	Điện tử viễn thông	Cảm biến, cơ cấu chất hành kiểu MEMS, kiểm tra không phá hủy	ngocan@vnu.edu.vn
53.	TS. Vũ Tuấn Anh	Điện tử viễn thông	Siêu cao tần	anhtv@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
54.	TS. Đinh Triều Dương	Điện tử viễn thông	Xử lý đa phương tiện	duongdt@vnu.edu.vn
55.	TS. Phùng Mạnh Dương	Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện tử	duongpm@vnu.edu.vn
56.	TS. Lê Vũ Hà	Tin học	Xử lý đa phương tiện	halv@vnu.edu.vn
57.	TS. Lưu Mạnh Hà	Điện tử viễn thông	Xử lý ảnh y sinh, Xử lý tín hiệu y sinh	halm@vnu.edu.vn
58.	TS. Nguyễn Kiên Hùng	Điện tử viễn thông	Thiết kế vi mạch, Thiết kế hệ thống nhúng, Tính toán có khả năng tái cấu hình	kiemhung@vnu.edu.vn
59.	TS. Bùi Trung Ninh	Kỹ thuật viễn thông	Truyền thông quang, IoT, Truyền thông trong mạng 5G	ninhbt@vnu.edu.vn
60.	PGS.TS. Đinh Thị Thái Mai	Kỹ thuật viễn thông	Truyền thông vô tuyến, Mạng di động, IoT, Vô tuyến nhận thức	maidtt@vnu.edu.vn
61.	TS. Trần Thị Thúy Quỳnh	Kỹ thuật viễn thông	Nghiên cứu và thiết kế anten và các phần tử siêu cao tần, Các thuật toán xử lý mảng	quynhttt@vnu.edu.vn
62.	TS. Trần Cao Quyền	Kỹ thuật viễn thông	Truyền tin dưới nước, Thiết kế anten thế hệ mới	quyentc@vnu.edu.vn
63.	TS. Lâm Sinh Công	Điện tử viễn thông	- Mạng thông tin di động 5G, 6G - Ứng dụng học máy trong mạng truyền thông	congls@vnu.edu.vn
64.	TS. Nguyễn Hồng Thịnh	Các hệ thống thông tin và truyền thông	Xử lý tín hiệu, Xử lý ảnh, Học máy	hongthinh.nguyen@vnu.edu.vn
65.	TS. Hoàng Gia Hưng	Điện tử viễn thông	Xử lý tín hiệu, lý thuyết hệ thống Lý thuyết thông tin với trọng tâm là các ứng dụng của tập ngẫu nhiên trong mạng cảm biến, theo dõi đa mục tiêu Kỹ thuật robot	hunghg@vnu.edu.vn
66.	TS. Phạm Đức Quang	Xử lý thông tin quang	Xử lý thông tin quang: Thu nhận và hiển thị thông tin 3D	quangpd@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			Đo lường quang Chế tạo và khắc vật liệu sử dụng laser Thông tin sợi quang Thu nhận và truyền dữ liệu quang	
67.	TS. Nguyễn Ngọc Thảo	Robotics	Phát triển hệ thống thông minh dựa trên công nghệ vi cơ điện tử MEMS, hệ thống tích hợp trên chip (Lab-on- a-chip) ứng dụng trong y sinh, hệ thống cảm biến ứng dụng trong chẩn đoán sinh hóa	thao.pham@vnu.edu.vn
68.	TS. Nguyễn Thị Thanh Vân	Kỹ thuật điện tử	Điều khiển tự động và Robotics	vanntt@vnu.edu.vn
69.	TS. Phạm Duy Hưng	Kỹ thuật điện tử	Hệ thống đa robot, Các mạng cảm biến không dây di động	hungpd@vnu.edu.vn
70.	TS. Mai Linh	Linh kiện siêu cao tần	Các linh kiện siêu cao tần, Anten, Hệ vi cơ điện tử trong lĩnh vực siêu cao tần	linhmai@vnu.edu.vn
71.	TS. Nguyễn Đăng Phú	Kỹ thuật điện tử, linh kiện điện tử	Cảm biến y sinh; hệ thống tích trữ năng lượng	phund@vnu.edu.vn
	Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa			
72.	GS.TSKH. Nguyễn Đông Anh	Cơ học kỹ thuật & Tự động hóa	Dao động, Điều khiển dao động	ndanh@imech.vast.vn
73.	GS.TSKH. Nguyễn Tiến Khiêm	Cơ học kỹ thuật & Tự động hóa	Dao động, Chẩn đoán kỹ thuật công trình	ntkiem@imech.vast.vn
74.	GS.TSKH. Dương Ngọc Hải	Cơ học kỹ thuật & Tự động hóa	Thủy khí, Động lực học chất lỏng chất khí	dnhai@imech.vast.vn
75.	GS.TS. Nguyễn Việt Khoa	Dao động	Tính toán kết cấu, Động lực học và giám sát kết cấu	nvkhoa@imech.vast.vn
76.	PGS.TS. Phạm Mạnh Thắng	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa - Cơ điện tử	thangpm@vnu.edu.vn
77.	PGS.TS. Đặng Thế Ba	Toán - Cơ	Toán –Cơ, Thủy khí công nghiệp và môi trường	badt@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
78.	PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Liên	Cơ học chất lỏng	Động lực học chất lỏng, chất khí	ntvlien@imech.vast.vn
79.	PGS.TS. Đào Như Mai	Cơ học vật thể rắn	Tính toán kết cấu, Động lực học kết cấu dưới tác dụng của sóng, gió	dnmai@imech.vast.vn
80.	PGS.TS. Đinh Văn Mạnh	Cơ học chất lỏng	Động lực học chất lỏng, chất khí	dvmanh@imech.vast.vn
81.	TS. Trần Thanh Tùng	Cơ học kỹ thuật	Cơ học tính toán, Gia công cắt gọt	tranthanhtung@vnu.edu.vn
Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano				
82.	GS.TS. Nguyễn Hữu Đức	Vật lý	Vật liệu và linh kiện từ tính cấu trúc nano, Điện tử học spin, vật liệu tổ hợp sắt từ/sắt điện (multiferroics), MERA M, cảm biến sinh học,...	ducnh@vnu.edu.vn
83.	GS.TS. Hoàng Nam Nhật	Khoa học vật liệu	Vật liệu thấp chiều thế hệ mới và ứng dụng trong công nghệ hiện đại, Vật lý tính toán các hệ đám nano từ tính, Gốm trên nền hợp kim pha tạp siêu loãng bằng bắn phá ion năng lượng cao	nhatnh@vnu.edu.vn
84.	PGS.TS. Nguyễn Kiên Cường	Vật liệu và Xử lý Bề Mặt	Vật liệu quang tử	cuongnk@vnu.edu.vn
85.	PGS.TS. Đỗ Thị Hương Giang	Khoa học vật liệu	Vật liệu từ giao - áp điện cấu trúc nano, cảm biến đo từ trường	giangdth@vnu.edu.vn
86.	PGS.TS. Nguyễn Phương Hoài Nam	Hoá hữu cơ	Vật liệu và linh kiện quang-điện trên cơ sở polymer dẫn, Vật liệu nanocomposite	namnph@vnu.edu.vn
87.	PGS.TS. Nguyễn Đình Lâm	Vật liệu và linh kiện từ tính nano	Vật liệu năng lượng	lamnd2005@vnu.edu.vn
88.	PGS.TS. Phạm Văn Vĩnh	Vật lý và Khoa học Vật liệu	Nghiên cứu và chế tạo vật liệu màng mỏng siêu cứng nano-composite và nanomultilayer. Nghiên cứu và chế tạo cảm biến dò khí độc và	vinhpv@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			<p>hơi một số dung môi hữu cơ.</p> <p>Nghiên cứu và chế tạo màng mỏng dẫn điện trong suốt FTO định hướng ứng dụng làm điện cực cho pin mặt trời.</p> <p>Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang xúc tác của hạt nano TiO₂ và TiO₂ pha tạp.</p> <p>Chế tạo và nghiên cứu tính chất xúc tác điện hóa của hạt nano hợp kim NiPt và CuPt định hướng ứng dụng làm chất xúc tác cho pin nhiên liệu sử dụng ethanol</p>	
89.	TS. Nguyễn Đức Cường	Vật lý ứng dụng trong các hệ thống năng lượng	Pin mặt trời, Các thiết bị quang tử	cuongnd@vnu.edu.vn
90.	TS. Nguyễn Thị Minh Hồng	Vật liệu và linh kiện nano	Vật liệu và linh kiện nano	hongntm@vnu.edu.vn
91.	TS. Nguyễn Thị Yến Mai	Công nghệ quang tử	Quang điện tử	mainty@vnu.edu.vn
92.	TS. Bùi Đình Tú	Vật liệu và linh kiện nano	Vật liệu và linh kiện nano	tubd@vnu.edu.vn
93.	TS. Lê Việt Cường	Vật liệu và linh kiện nano	Vật liệu và linh kiện nano	cuonglv@vnu.edu.vn
94.	TS. Nguyễn Tuấn Cảnh	Điện tử và kỹ thuật màn hình	Vật liệu và linh kiện bán dẫn cấu trúc nano, Vật liệu quang điện tử, Công nghệ in, Các linh kiện bán dẫn phát quang.	canhnt@vnu.edu.vn
95.	TS. Phan Thế Long	Khoa học vật liệu	Vật liệu từ học, Vật liệu bán dẫn từ	ptlong2512@vnu.edu.vn
96.	TS. Vũ Thị Thao	Hóa vô cơ và hóa lý	Tổng hợp hóa học (polyme dẫn điện, polyme sinh học, hạt nano, porphyrins, corroles, vật liệu lai...) Chế tạo màng mỏng bằng các phương pháp khác nhau Khảo sát tính chất vật liệu và màng	vtthao@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			mỏng (cơ, lý, hóa) Ứng dụng vật liệu tổng hợp và màng mỏng chế tạo được trong xúc tác điện hóa, siêu tụ, vật liệu kỹ nước, lọc tách dầu, cửa sổ thông minh, kháng khuẩn và liệu pháp quang động.	
97.	TS. Nguyễn Huy Tiếp	Kỹ thuật năng lượng	Pin mặt trời, Siêu tụ điện, Vật liệu đa chức năng.	tiepnh@vnu.edu.vn
98.	TS. Hồ Thị Anh	Vật liệu và linh kiện từ tính nano	Vật liệu từ nhiệt; Vật liệu tổ hợp sắt điện/sắt từ	anhht@vnu.edu.vn
Khoa Công nghệ Xây dựng – Giao thông				
99.	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức	Cơ kỹ thuật	Ổn định tĩnh và động của các tấm và vỏ composite chức năng FGM, Vật liệu và kết cấu composite polyme 3 pha và nano composite, Các nghiên cứu cơ học định hướng ứng dụng, phục vụ thực tiễn, Cấu trúc tổng hợp với sự lan truyền nứt động, Công trình xây dựng và kết cấu composite chịu tải trọng đặc biệt, Vật liệu tổng hợp và phụ áp điện, Vật liệu tổng hợp Nano trong năng lượng tái tạo Composite với cấu trúc không gian (Carbon-carbon composite 3D, 4D), Hỗn hợp polyme polyme và polymer ba pha, Vật liệu và cấu trúc tiên tiến trong Kỹ thuật Xây dựng, Toán học và Cơ học ứng dụng.	ducnd@vnu.edu.vn
100.	TS. Vũ Thị Thùy Anh	Cơ kỹ thuật	Nghiên cứu về sự lan truyền vết nứt trong kết cấu, Nghiên cứu ổn	anhvutt@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			định tính và động các kết cấu làm bằng vật liệu tiên tiến.	
101.	TS. Dương Tuấn Mạnh	Cơ học vật rắn biến dạng	Bài toán va chạm trên vật liệu đàn nhớt	duongtuanmanh@vnu.edu.vn
102.	TS. Phan Hải Đăng	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí	haidangphan.vn@gmail.com
103.	TS. Lê Văn Tuấn	Xây dựng công trình	Xây dựng công trình	levantuan112@vnu.edu.vn
104.	TS. Nguyễn Văn Hùng	Kỹ thuật xây dựng	Đánh giá ảnh hưởng từ phương tiện đường sắt đến các công trình; Công trình ngâm chịu tải trọng động đất; Rung động & lan truyền sóng	vanhung.nguyen@vnu.edu.vn
105.	TS. Trần Quốc Quân	Cơ Kỹ thuật	Ứng xử cơ học và tối ưu hoá hình học các kết cấu làm bằng vật liệu composite tiên tiến	quantq@vnu.edu.vn
Viện Công nghệ Hàng không Vũ trụ				
106.	PGS.TS. Trương Ninh Thuận	Toán - Tin ứng dụng	Công nghệ phần mềm, Kiểm chứng phần mềm	thuantn@vnu.edu.vn
107.	TS. Bùi Quang Hưng	Công nghệ thông tin	Khoa học dữ liệu, Khoa học dữ liệu không gian, GIS, Hạ tầng dữ liệu không gian	hungbq@vnu.edu.vn
108.	TS. Nguyễn Hoàng Quân	Cơ khí và năng lượng	Nghiên cứu về truyền nhiệt và truyền khối cho dòng 2 pha, Nghiên cứu về đặc tính nhiệt của vật liệu tại nhiệt độ cao	nhquan@vnu.edu.vn
109.	TS. Lê Đình Anh	Hệ thống cơ khí	Cơ học chất lỏng và năng lượng tái tạo	anh.ld@vnu.edu.vn
110.	TS. Dương Việt Dũng	Hàng không và vũ trụ	Thông tin hàng không, cơ khí hàng không, điện-điện tử hàng không	duongdv@vnu.edu.vn
111.	TS. Hà Minh Cường	Bản đồ, viễn thám, GIS và địa vật lý	Xử lý ảnh viễn thám, xử lý ảnh GIS và hệ thống tin địa lý	cuonghm@vnu.edu.vn
Khoa Công nghệ nông nghiệp				
112.	GS.TS. Lê Huy Hàm	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học ứng dụng trong di truyền nông nghiệp	hamle@vnu.edu.vn
113.	TS. Lê Thị Hiên	Hóa sinh hữu cơ	Công nghệ nano sinh học ứng dụng trong nông nghiệp, môi	lehiem@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			trường và y dược	
114.	TS. Hà Thị Quyển	Vi sinh vật	Công nghệ sinh học trong nông nghiệp, y dược và môi trường	quyenht@vnu.edu.vn
115.	TS. Phạm Minh Triển	Điện tử viễn thông	Điều khiển, robotics	trienpm@vnu.edu.vn
116.	TS. Trần Đăng Khoa	Sinh học phân tử	Công nghệ nano sinh học ứng dụng trong y sinh Công nghệ sinh học ứng dụng trong nông nghiệp	khoatd@vnu.edu.vn
117.	TS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Kỹ thuật môi trường	Công nghệ môi trường, xử lý ô nhiễm trong môi trường nông nghiệp, phát triển và ứng dụng mô hình mô phỏng và dự đoán ô nhiễm	anhnguyenngoc@vnu.edu.vn
118.	TS. Chu Đức Hà	Công nghệ sinh học	Tin sinh học, Di truyền, Sinh học phân tử, Sinh thái	cd.ha@vnu.edu.vn
119.	TS. Vũ Thị Huyền	Hóa học, năng lượng, khoa học nano, bề mặt	Tổng hợp vật liệu nano ứng dụng trong nông nghiệp và y sinh, môi trường Bảo quản nông sản sau thu hoạch Công nghệ vi sinh bằng ứng dụng nano	huyenvu@vnu.edu.vn
120.	TS. Nguyễn Lê Khanh	Nông học	Trồng cây không đất, Công nghệ sinh học, Sinh học phân tử, Nông nghiệp công nghệ cao	nl.khanh@vnu.edu.vn
121.	PGS.TS. Phạm Châu Thùy	Khoa học môi trường	Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp	thuypc@vnu.edu.vn
	Viện Trí tuệ nhân tạo			
122.	PGS.TS. Nguyễn Việt Hà	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm, Trí tuệ nhân tạo	hanv@vnu.edu.vn
123.	PGS.TS. Nguyễn Phương Thái	Tin học	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	thainp@vnu.edu.vn
124.	TS. Trần Quốc Long	Công nghệ thông tin	Học máy, Xử lý ảnh, Thị giác máy	longtq@vnu.edu.vn
125.	TS. Bùi Ngọc Thăng	Khoa học máy tính	Học máy, Các phương pháp biểu diễn dữ liệu, Các phương pháp học máy giải quyết các bài	thangbn@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			toán y học (Tin sinh học)	
Viện Tiên tiến về Kỹ thuật và Công nghệ				
126.	PGS.TS. Nguyễn Linh Trung	Kỹ thuật máy tính và điện	Xử lý tín hiệu, truyền thông	linhtrung@vnu.edu.vn